

Bản án số: 132/2024/KDTM-ST

Ngày 27 - 9 - 2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà** và ông **Phạm Xoa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2024/TLST-DS ngày 07.5.2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-DS ngày 26.8.2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2024/QĐST-DS ngày 10.9.2024, giữa:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH D**. Địa chỉ: Số nhà A, Khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bên bán nợ Công ty Cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị T - Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Địa chỉ: B N, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền số: 108.11/2023/HĐUQ/HD-HDBank ngày 10.11.2023; Giấy ủy quyền ngày 20.11.2023), có mặt.

2. Bị đơn: **Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G**. Chủ hộ là bà Phan Vĩnh Cát G, sinh năm 1991. Địa chỉ: K Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08.8.2023, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ trình bày:

Ngày 14.01.2022, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H và bà Phan Vĩnh Cát G đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1454/22MN/HĐTD với hạn mức là 3.000.000.000 đồng; mục đích sử dụng để bổ sung vốn thi công công trình; thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã giải ngân số tiền là 3.000.000.000 đồng; lãi suất vay trong hạn là 14,50%/năm; trả gốc khi đến hạn, trả lãi 01 tháng/lần vào ngày 14 của tháng, bắt đầu từ 14.02.2023; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 25.3.2022, bà Phan Vĩnh Cát G và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H ký tiếp Hợp đồng sử dụng tài khoản thẻ tín dụng số 815871031364 (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; Bản điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng H1). Căn cứ thu nhập của bà Phan Vĩnh Cát G, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 650.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng; lãi suất 29%/năm, lãi suất quá hạn 43,5%/năm (bằng 150% lãi suất trong hạn).

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1307/22MN/HĐBĐ ngày 14.01.2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 1307/22MN/HĐBĐ/PL1 ngày 13.4.2022 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 570, tờ bản đồ số 36, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 751147; số vào sổ cấp GCN: CS 28771 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 04.01.2021, đăng ký biến động đứng tên bà Phan Vĩnh Cát G ngày 12.01.2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phan Vĩnh Cát G đã thanh toán cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1454/22MN/HĐTD ngày 14.01.2022 được số tiền lãi là 1.100.437 đồng (tiền lãi trong hạn 1.100.000 đồng, tiền lãi quá hạn 437 đồng) và thanh toán cho Hợp đồng sử dụng tài khoản thẻ tín dụng số: 815871031364 được số tiền gốc 211.000 đồng. Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Phan Vĩnh Cát G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Ngày 28.6.2023, toàn bộ khoản nợ của bà Phan Vĩnh Cát G đã được Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Đ theo Hợp đồng mua bán nợ số: 073.06/2023/HĐMBN/HĐB-D&D. Do đó, Công ty Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Vĩnh Cát G phải trả số tiền tạm tính đến ngày 01.8.2023 tổng cộng là 4.003.583.998 đồng.

Đến ngày 10.11.2023, toàn bộ khoản nợ của bà Phan Vĩnh Cát G được Công ty Cổ phần Đ chuyển nhượng cho Công ty TNHH D theo Hợp đồng mua bán nợ số: 108.11.2023/HĐMBN/DD-HĐ. Vì vậy, Công ty TNHH D yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc bà Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 27.9.2024 tổng cộng là 5.020.671.682 đồng (nợ gốc 3.649.789.000 đồng, tiền lãi trong hạn 515.536.938 đồng, tiền lãi quá hạn 855.345.744 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28.9.2024 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp bà Phan Vĩnh Cát G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty TNHH D theo quy định.

Bị đơn bà Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ kinh doanh đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo thụ lý án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Công ty TNHH D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ kinh doanh đã được triệu tập để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D. Buộc Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G phải thanh toán cho Công ty TNHH D1 tiền tính đến ngày 27.9.2024 tổng cộng là 5.020.671.682 đồng (Trong đó: nợ gốc 3.649.789.000 đồng, tiền lãi trong hạn 515.536.938 đồng, tiền lãi quá hạn 855.345.744 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng, kể từ ngày 28.9.2024 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty TNHH D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH D khởi kiện yêu cầu bà Phan Vĩnh Cát G thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bà Phan Vĩnh Cát G là Chủ hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G

(cá nhân). Các bên tham gia quan hệ tín dụng đều là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh, hoạt động vì mục đích lợi nhuận. Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định lại là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi ký kết hợp đồng, bà Phan Vĩnh Cát G xác định địa chỉ của mình tại K Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng nhưng đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bên cấp tín dụng được biết. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1454/22MN/HĐTD ngày 14.01.2022 và Hợp đồng sử dụng tài khoản thẻ tín dụng số: 815871031364 ngày 30.5.2023 mà bà Phan Vĩnh Cát G ký với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán: Mặc dù bà Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ kinh doanh vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty TNHH D cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1454/22MN/HĐTD ngày 14.01.2022:

Hợp đồng này có mục đích bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công công trình. Theo giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số: 1454/22MN/HĐTD/KUNN02 ngày 12.01.2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số: 1454/22MN/HĐTD/KUNN03 ngày 13.01.2023 thì bà Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ kinh doanh đã vay số tiền 3.000.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay trong hạn 14,50%/năm (lãi suất này được cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày Bên nhận nợ được H1 giải ngân tiền vay. Sau thời hạn nêu trên, lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần hoặc theo quy định/quyết định của H1); lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức

trả gốc khi đến hạn và trả lãi hàng tháng, bắt đầu từ ngày 14.02.2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phan Vĩnh Cát G đã thanh toán được số tiền lãi là 1.100.437 đồng. Do Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn là đúng với quy định tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Tính đến ngày 27.9.2024, H kinh doanh Phan Vĩnh Cát G còn nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền theo hợp đồng này là 3.917.696.938 đồng (nợ gốc 3.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 423.749.314 đồng, tiền lãi quá hạn 493.947.624 đồng).

- Đối với Hợp đồng sử dụng tài khoản thẻ tín dụng số: 815871031364 ngày 25.3.2022:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (loại thẻ Visa vietjet Platium) mà bà Phan Vĩnh Cát G ký với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có mục đích tiêu dùng với hạn mức 650.000.000 đồng; lãi suất 29%/năm; lãi suất quá hạn 43,5%/năm (bằng 150% lãi suất trong hạn); thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán tối thiểu được thực hiện theo thông báo của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Phan Vĩnh Cát G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 650.000.000 đồng; đã thanh toán được số tiền gốc là 211.000 đồng. Căn cứ vào Điều 8 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng H1 thì bà Phan Vĩnh Cát G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn là đúng với quy định tại Điều 9 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng H1. Tính đến ngày 27.9.2024, bà Phan Vĩnh Cát G còn nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền là 1.102.974.744 đồng (nợ gốc 649.789.000 đồng, tiền lãi trong hạn 91.787.624 đồng, tiền lãi quá hạn 361.398.120 đồng).

Tổng số tiền bà Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G còn nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H theo các hợp đồng nói trên là 5.020.671.682 đồng (nợ gốc 3.649.789.000 đồng, tiền lãi trong hạn 515.536.938 đồng, tiền lãi quá hạn 855.345.744 đồng).

Ngày 28.6.2023, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H và Công ty Cổ phần Đ ký Hợp đồng mua bán nợ số: 073.06/2023/HĐMBN/HĐB-D&D. Theo đó, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H chuyển quyền thu hồi nợ đối với khoản vay của bà Phan Vĩnh Cát G cho Công ty Cổ phần Đ. Đến ngày 10.11.2023, Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH D ký Hợp đồng mua bán nợ số: 108.11.2023/HĐMBN/DD-HĐ. Theo đó, Công ty Cổ phần Đ chuyển quyền thu hồi nợ đối với khoản vay của bà Phan Vĩnh Cát G cho Công ty TNHH D. Các hợp đồng mua bán nợ giữa các bên đã đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự. Do đó, Công ty TNHH D yêu cầu Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G phải trả số tiền tính đến ngày 27.9.2024 là 5.020.671.682 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi

phát sinh, kể từ ngày 28.9.2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Hợp đồng mua bán nợ số: 108.11.2023/HĐMBN/DD-HĐ ngày 10.11.2023; các Điều 100, 103, 209 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 365 Bộ luật Dân sự cần được chấp nhận.

[2.3] Về xử lý tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho các khoản vay, bà Phan Vĩnh Cát G đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 570, tờ bản đồ số 36, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 751147; số vào sổ cấp GCN: CS 28771 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 04.01.2021, đăng ký biến động đứng tên bà Phan Vĩnh Cát G ngày 12.01.2022 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1307/22MN/HĐBĐ ngày 14.01.2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 1307/22MN/HĐBĐ/PL1 ngày 13.4.2022. Xét thấy, tài sản thế chấp đã được đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký. Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G do cá nhân bà Phan Vĩnh Cát G là chủ thể thành lập. Trường hợp H kinh doanh Phan Vĩnh Cát G không trả được nợ, thì tài sản đã thế chấp sẽ được xử lý để thu hồi nợ như đề nghị của Công ty TNHH D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 298, 299, 318, 319 và 323 Bộ luật Dân sự cần được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 17.720.000 đồng. Công ty TNHH D đã tạm ứng để thực hiện theo quy định nên H kinh doanh Phan Vĩnh Cát G phải hoàn trả lại cho Công ty TNHH D1 tiền này.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Công ty TNHH D được chấp nhận nên Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 227, 228, 266, 269 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 100, 103 và 209 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 298, 299, 317, 318, 319, 323, 365, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Công ty TNHH D đối với H kinh doanh Phan Vĩnh Cát G.

Xử:

1. Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ là bà Phan Vĩnh Cát G phải trả cho Công ty TNHH D1 tiền tính đến ngày 27.9.2024 là 5.020.671.682 đồng (nợ gốc là 3.649.789.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 515.536.938 đồng, tiền lãi quá hạn là 855.345.744 đồng), trong đó:

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1454/22MN/HĐTD ngày 14.01.2022 là 3.917.696.938 đồng (nợ gốc 3.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 423.749.314 đồng, tiền lãi quá hạn 493.947.624 đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 28.9.2024 cho đến khi bà Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ kinh doanh thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 1454/22MN/HĐTD ngày 14.01.2022 và Khế ước nhận nợ số: 1454/22MN/HĐTD/KUNN02 ngày 12.01.2023; Khế ước nhận nợ số: 1454/22MN/HĐTD/KUNN03 ngày 13.01.2023.

- Nợ theo Hợp đồng sử dụng tài khoản thẻ tín dụng số: 815871031364 ngày 25.3.2022 là 1.102.974.744 đồng (nợ gốc 649.789.000 đồng, tiền lãi trong hạn 91.787.624 đồng, tiền lãi quá hạn 361.398.120 đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 28.9.2024 cho đến khi bà Phan Vĩnh Cát G thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng tài khoản thẻ tín dụng số: 815871031364 ngày 25.3.2022.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bà Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ kinh doanh thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH D phải trả lại cho bà Phan Vĩnh Cát G bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 751147; số vào sổ cấp GCN: CS 28771 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 04.01.2021, đăng ký biến động đứng tên bà Phan Vĩnh Cát G ngày

12.01.2022 (trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác).

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G không trả được nợ thì tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất (diện tích 1.151 m²) tại thửa đất số 570; tờ bản đồ số 36; địa chỉ xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 751147; số vào sổ cấp GCN: CS 28771 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 04.01.2021, đăng ký biến động đứng tên bà Phan Vĩnh Cát G ngày 12.01.2022 sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Công ty TNHH D theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ là bà Phan Vĩnh Cát G phải hoàn trả lại cho Công ty TNHH D1 tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 17.720.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ là bà Phan Vĩnh Cát G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.020.671 đồng. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.001.792 đồng theo biên lai thu số 0002606 ngày 13.11.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty TNHH D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Hộ kinh doanh Phan Vĩnh Cát G - Chủ hộ là bà Phan Vĩnh Cát G vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Diên

